TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/5/2019.

V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Sơn Hà.**
2. Bà **Châu Thị Chúc.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn"* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Diệp T,** sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Chị **Ngô Thị Tú A**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

*Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2019 nguyên đơn anh **Trần Diệp T** trình bày:*

Anh T và chị Tú A tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2015; Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn sống chung cho đến nay.

Anh T và chị Tú A không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn chị Ngô Thị Tú A ngày 08/3/2019 trình bày:

Chị Tú A thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng, nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Trần Diệp T và bị đơn Ngô Thị Tú A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nhưng nguyên đơn T và bị đơn Tú A đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Trần Diệp T và bị đơn Ngô Thị Tú A .

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Trần Diệp T và chị Ngô Thị Tú A kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2015, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 03/ 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên anh, chị không còn chung sống cho đến nay. Trong đơn khởi kiện anh T xin được ly hôn và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Tú A đều đồng ý ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Tú A đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh T và chị Tú A không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Tú A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Trần Diệp T** và chị **Ngô Thị Tú A**.

- Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Tú A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0006791 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc